



TỔNG CỤC HẢI QUAN

GIỚI THIỆU CÁC QUY ĐỊNH VỀ TRỊ GIÁ HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HOÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

NỘI DUNG

LUẬT HẢI QUAN NĂM 2014; NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2018/NĐ-CP;
GIỚI THIỆU CHUNG VỀ THÔNG TƯ 39/2015/TT-BTC, THÔNG
TƯ 39/2018/TT-BTC

06 PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ HÀNG NHẬP KHẨU

04 PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ HÀNG XUẤT KHẨU

KIỂM TRA TRỊ GIÁ TRONG THÔNG QUAN

ĐIỀU 86 LUẬT HẢI QUAN NĂM 2014

1. Trị giá hải quan làm cơ sở để tính thuế và thống kê đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

2. Trị giá hải quan hàng xuất khẩu là giá bán hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất, không bao gồm I, F quốc tế

3. Trị giá hải quan hàng nhập khẩu là giá thực tế phải trả tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên, phù hợp với pháp luật VN và điều ước quốc tế mà VN là thành viên

NGHỊ ĐỊNH 59/2018/NĐ-CP NGÀY 20/4/2018 CỦA CHÍNH PHỦ

1. Nguyên tắc, phương pháp xác định trị giá hải quan (khoản 8 Điều 1 Nghị định)

2. Kiểm tra, xác định trị giá hải quan (khoản 9 Điều 1 Nghị định)

3. Trị giá hải quan sử dụng cho mục đích thống kê hàng hóa (khoản 10 Điều 1 Nghị định)

KHOẢN 8 ĐIỀU 1 NGHỊ ĐỊNH 59/2018/NĐ-CP

Nguyên tắc, phương pháp xác định trị giá hải quan

1) Bổ sung phương pháp xác định trị giá đối với hàng xuất khẩu:

- Nghị định 08/2015/NĐ-CP chỉ quy định phương pháp xác định trị giá hải quan dựa trên hợp đồng mua bán hoặc hóa đơn thương mại phù hợp với các chứng từ có liên quan

- Tại Nghị định 59/2018/NĐ-CP đã bổ sung thêm 3 phương pháp xác định trị giá hải quan hàng xuất khẩu: (1) Trị giá của hàng hóa giống hệt, tương tự trên cơ sở dữ liệu trị giá hải quan; (2) Giá bán hàng hóa giống hệt, tương tự tại thị trường Việt Nam; (3) Giá bán hàng hóa xuất khẩu do cơ quan hải quan thu thập, tổng hợp, phân loại theo quy định sau khi đã quy đổi về giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất.

KHOẢN 8 ĐIỀU 1 NGHỊ ĐỊNH 59/2018/NĐ-CP (tiếp)

Nguyên tắc, phương pháp xác định trị giá hải quan

2. Bổ sung khái niệm cửa khẩu xuất:

- Nghị định 08/2015/NĐ-CP chưa quy định cụ thể thế nào là cửa khẩu xuất, theo đó tại Nghị định 59/2018/NĐ-CP đã bổ sung quy định về cửa khẩu xuất theo từng phương thức vận chuyển: đường biển; đường không; đường sắt; đường bộ, đường thủy nội địa để làm cơ sở xác định trị giá hải quan.

- Quy định về cửa khẩu xuất giải quyết vướng mắc trong việc xác định cửa khẩu xuất để làm cơ sở cộng hoặc trừ các khoản chi phí có liên quan đến việc xác định trị giá hải quan hàng xuất khẩu.

KHOẢN 8 ĐIỀU 1 NGHỊ ĐỊNH 59/2018/NĐ-CP (tiếp)

Nguyên tắc, phương pháp xác định trị giá hải quan

3. Sửa đổi khái niệm cửa khẩu nhập đầu tiên được xác định như sau:

- Nghị định 08/2015/NĐ-CP chưa quy định cửa khẩu nhập đầu tiên thể hiện trên chứng từ cụ thể nào.

- Để đảm bảo tính minh bạch về chứng từ, Nghị định CP đã bổ sung chứng từ thể hiện đối với phương thức vận chuyển cửa khẩu nhập đầu tiên:

+ Đối với phương thức vận tải đường biển, đường hàng không: **Cảng dỡ hàng ghi trên vận đơn;**

+ Đối với phương thức đường sắt: **Ga đường sắt liên vận quốc tế ghi trên tờ khai hải quan;**

+ Đối với phương thức đường bộ, đường thủy nội địa: Cửa khẩu biên giới nơi hàng hóa nhập khẩu đi vào lãnh thổ Việt Nam ghi trên tờ khai hải quan

KHOẢN 9 ĐIỀU 1 NGHỊ ĐỊNH 59/2018/NĐ-CP

Kiểm tra, xác định trị giá hải quan

1. Việc kiểm tra, xác định trị giá hải quan căn cứ trên hồ sơ hải quan, các chứng từ tài liệu có liên quan, thực tế hàng hóa

2. Xử lý các trường hợp kiểm tra, xác định trị giá hải quan trong quá trình làm thủ tục hải quan

KHOẢN 9 ĐIỀU 1 NGHỊ ĐỊNH 59/2018/NĐ-CP (tiếp)

Kiểm tra, xác định trị giá hải quan

a) Đủ cơ sở bác bỏ:

- Yêu cầu doanh nghiệp khai bổ sung
- Trường hợp doanh nghiệp không khai bổ sung trong thời hạn quy định → ban hành quyết định ấn định thuế.

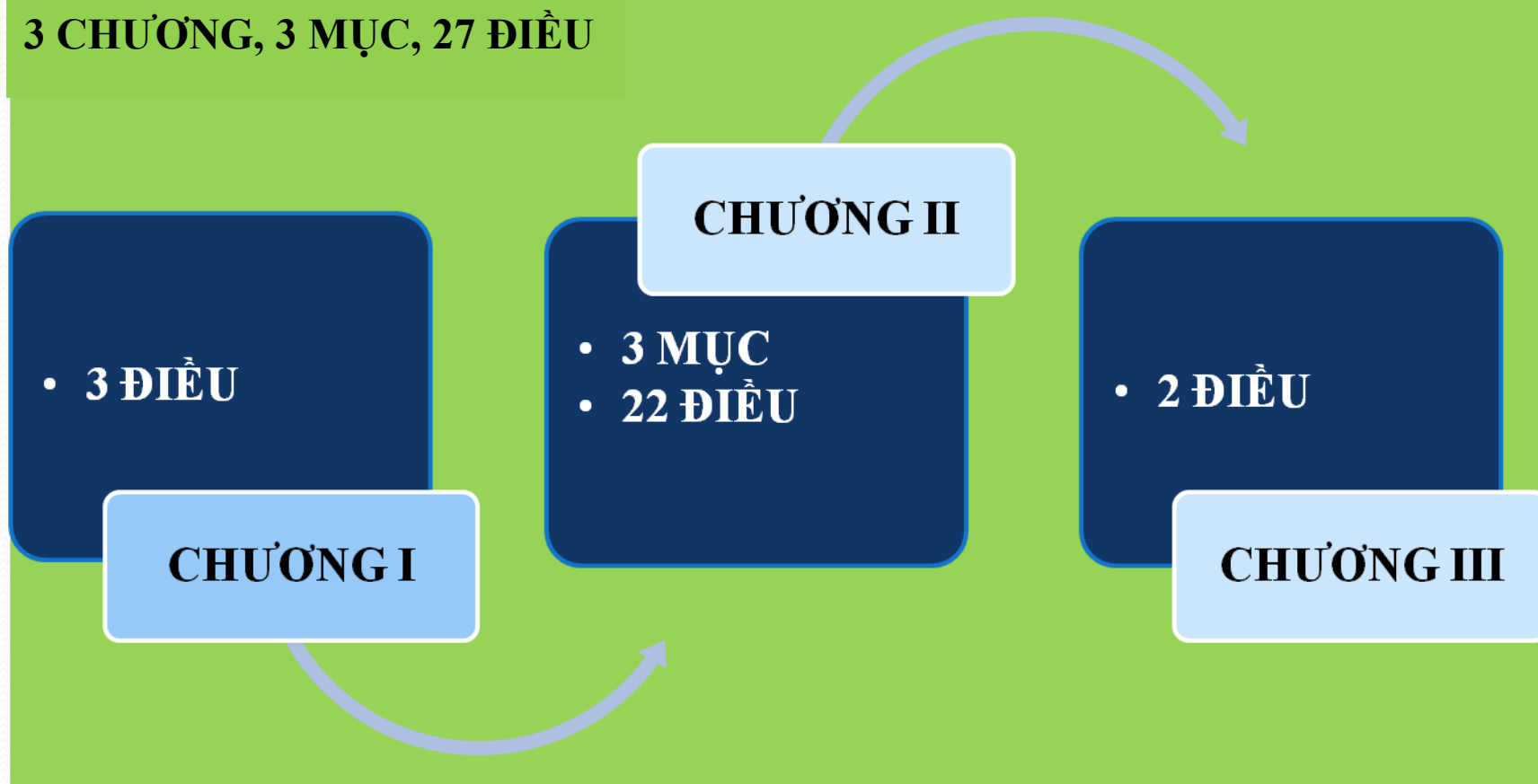
KHOẢN 9 ĐIỀU 1 NGHỊ ĐỊNH 59/2018/NĐ-CP (tiếp)

Kiểm tra, xác định trị giá hải quan

b) Có nghi vấn trị giá khai báo: Người khai hải quan phải thực hiện **tham vấn** nhằm làm rõ về tính chính xác của trị giá khai báo

GIỚI THIỆU CHUNG THÔNG TƯ SỐ 39/2015/TT-BTC

3 CHƯƠNG, 3 MỤC, 27 ĐIỀU



ĐIỀU 1 THÔNG TƯ 39/2015/TT-BTC

Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

1. Phạm vi: Quy định về trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

2. Đối tượng:

- Tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa
- Cơ quan hải quan, công chức hải quan
- Cá nhân khác có liên quan

ĐIỀU 2 THÔNG TƯ 39/2015/TT-BTC

Giải thích từ ngữ (14 khái niệm)



- Hợp đồng mua bán hàng hóa,
- Hoa hồng mua hàng
- Hoa hồng bán hàng
- Phí môi giới
- Phần mềm



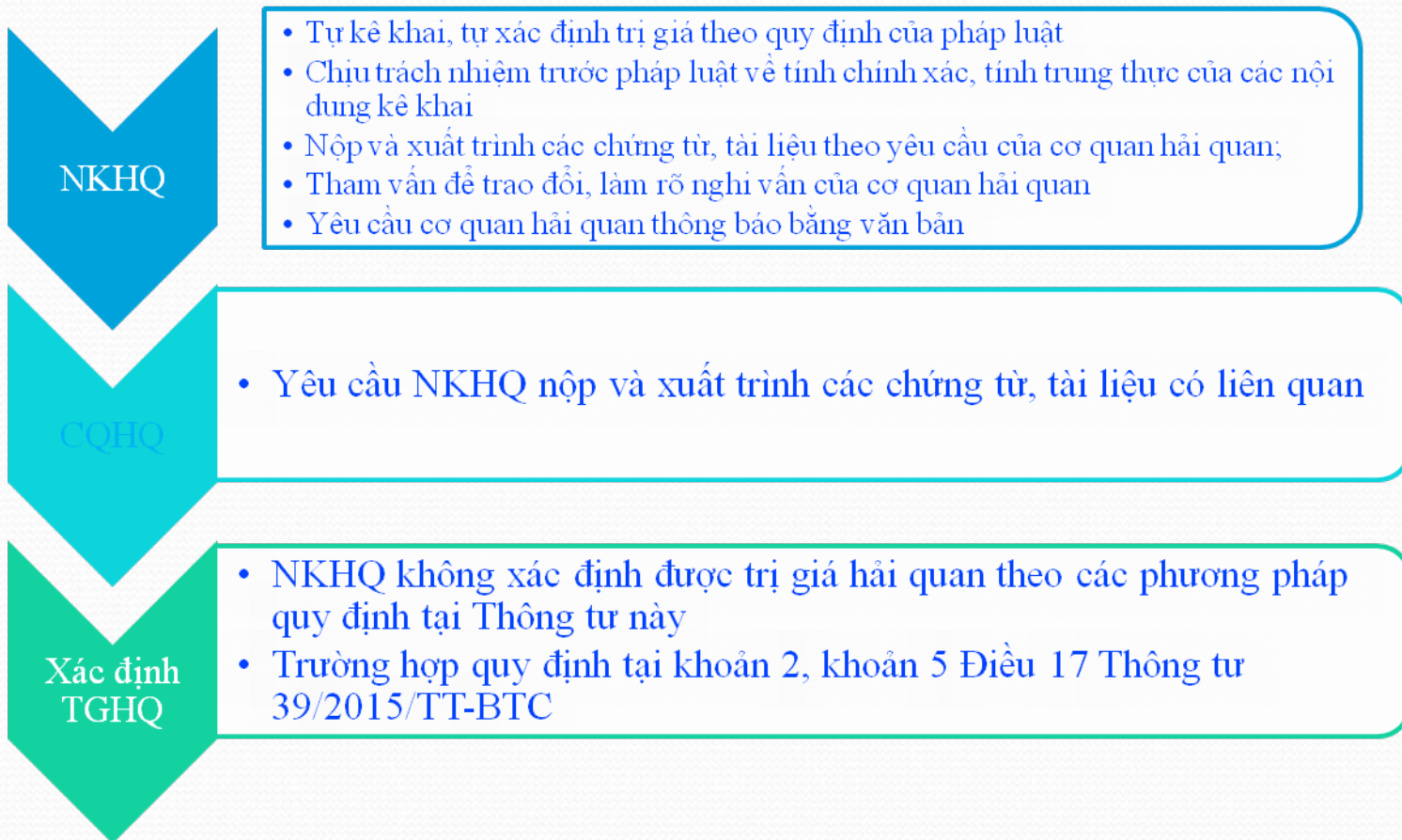
- Phương tiện trung gian
- Hàng hóa được coi là “xấp xỉ”
- Hàng hóa xuất khẩu giống hệt
- Hàng hóa xuất khẩu tương tự



- Hàng hóa nhập khẩu giống hệt
- Hàng hóa nhập khẩu tương tự
- Ngày xuất khẩu
- Hàng hóa cùng phẩm chất hay cùng chủng loại
- Số liệu khách quan, định lượng được

ĐIỀU 3 THÔNG TƯ 39/2015/TT-BTC

Quyền và nghĩa vụ của NKHQ, trách nhiệm và quyền hạn của CQHQ



I. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ HÀNG XUẤT KHẨU (khoản 15 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC- thay thế quy định tại Điều 4 Thông tư số 39/2015/TT-BTC)

Phương pháp giá bán tính đến cửa khẩu xuất: là giá bán ghi trên hợp đồng mua bán hoặc hóa đơn thương mại và các chi phí liên quan tính đến cửa khẩu xuất phù hợp với chứng từ nếu các khoản chi phí này chưa bao gồm trong giá bán tính đến CK xuất

Trị giá hải quan

+ 3 PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH

I. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ HÀNG XUẤT KHẨU (Tiếp) (khoản 15 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC)

- PP 2: Phương pháp giá bán của hàng hóa XK giống hệt, tương tự trên cơ sở dữ liệu TGHQ sau khi quy đổi về giá bán của hàng hóa XK đang xác định trị giá (Khoản 3 Điều 25a);
- PP3: Phương pháp giá bán của hàng hóa xk giống hệt, tương tự tại thị trường Việt Nam ghi trên hóa đơn bán hàng tại thời điểm gần nhất so với ngày đăng ký tờ khai hàng xk đang xác định trị giá (Khoản 4 Điều 25a)
- PP 4: Phương pháp giá bán của hàng hóa XK do cơ quan hải quan thu thập, tổng hợp, phân loại theo quy định tại khoản 8 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP (Khoản 5 Điều 25a)

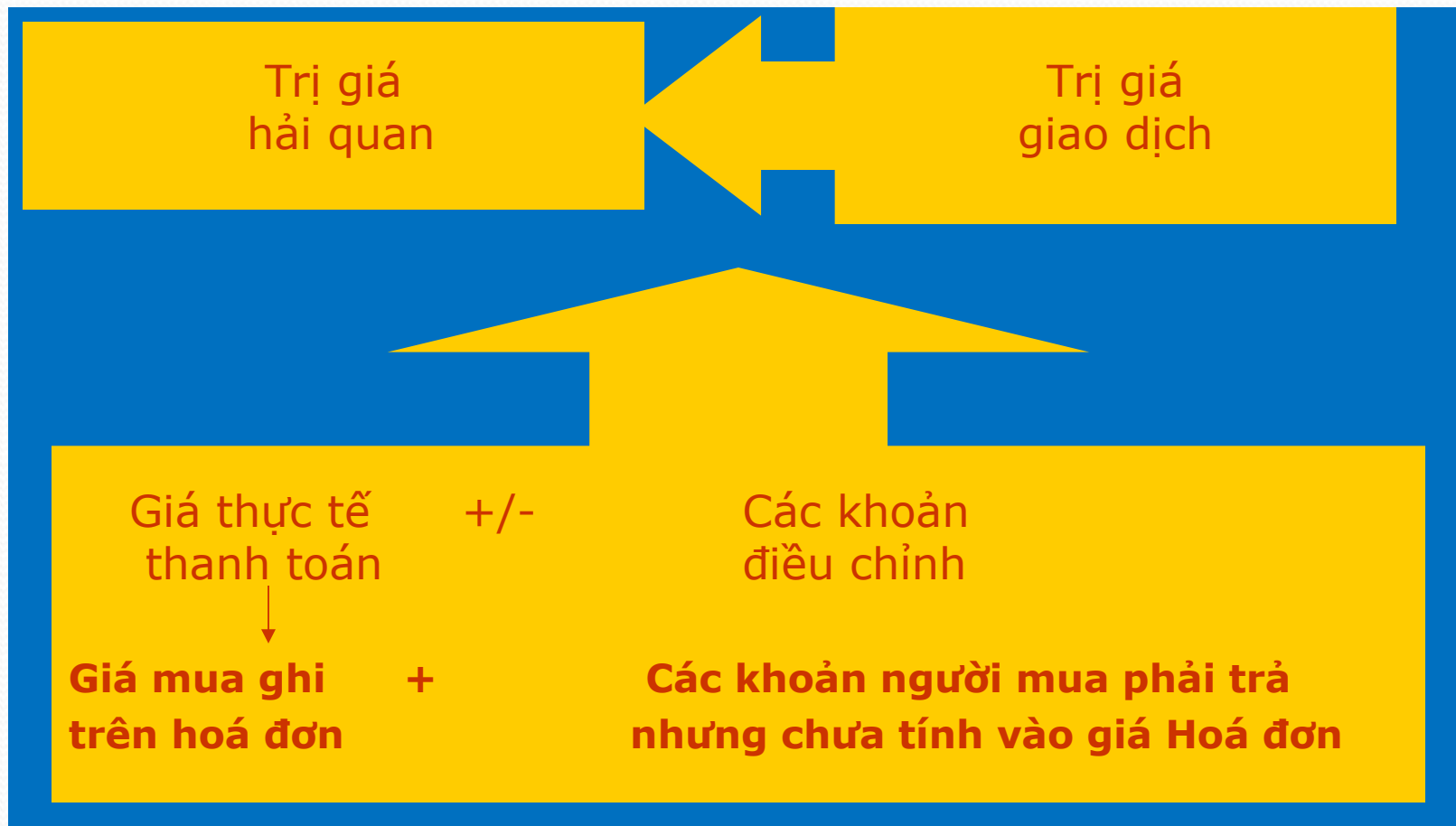
II. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ HÀNG NHẬP KHẨU (Từ Điều 6 đến Điều 16 Thông tư số 39/2015/TT-BTC)

6 phương pháp:

1. PP1: Phương pháp trị giá giao dịch
2. PP2: Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hoá NK giống hệt
3. PP3: Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hoá NK tương tự
4. PP4: Phương pháp trị giá khấu trừ
5. PP5: Phương pháp trị giá tính toán
6. PP6: Phương pháp suy luận

I. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ HÀNG NHẬP KHẨU

1. Phương pháp trị giá giao dịch (Điều 6)



1. Phương pháp trị giá giao dịch (Điều 6- tiếp) Điều kiện áp dụng

- Điều kiện 1:

Người mua có đầy đủ quyền định đoạt, sử dụng hàng hoá sau khi nhập khẩu.

- Điều kiện 2:

Việc bán hàng hay giá cả của hàng hoá không phụ thuộc vào một số điều kiện dẫn đến việc không xác định được trị giá của hàng hoá cần xác định trị giá tính thuế.

1. Phương pháp trị giá giao dịch (Điều 6- tiếp) Điều kiện áp dụng

● Điều kiện 3:

Sau khi bán lại, chuyển nhượng, sử dụng hàng hoá người mua không phải trả thêm bất kỳ khoản tiền nào từ số tiền thu được do việc định đoạt, sử dụng hàng hoá nhập khẩu mang lại, không kể khoản phải cộng nêu tại điểm e khoản 2 điều 13.

● Điều kiện 4:

Người mua và người bán không có mối quan hệ đặc biệt hoặc có nhưng không ảnh hưởng đến trị giá

1. Phương pháp trị giá giao dịch (Điều 6- tiếp)

Xác định TGHQ hàng hóa có chứa phần mềm

TGTT = Trị giá “phương tiện trung gian” (không gồm trị giá “phần mềm”).

- Trị giá “phần mềm” tách riêng với trị giá ”phương tiện trung gian”
- Đáp ứng định nghĩa “Phần mềm” – “Phương tiện trung gian”

TGTT = Trị giá “Phương tiện trung gian” + “Phần mềm”

- Không tách riêng được trị giá “phần mềm” với ”phương tiện trung gian”
- Ghi, tích hợp trong các hàng hoá nhập khẩu không phải “Phương tiện trung gian”
- Trị giá phần mềm có liên quan đến Phí bản quyền.

1. Phương pháp trị giá giao dịch (Điều 6- tiếp)

Chứng từ, tài liệu

- Hợp đồng mua bán hàng hóa
- Liên quan đến mối quan hệ đặc biệt không ảnh hưởng đến trị giá giao dịch (nếu có)
- Liên quan đến các khoản điều chỉnh cộng (nếu có)
- Liên quan đến các khoản điều chỉnh trừ (nếu có)
- Chứng từ, tài liệu khác có liên quan đến việc xác định trị giá do người khai HQ khai báo.

1. Phương pháp trị giá giao dịch (tiếp)

Các khoản điều chỉnh cộng (Điều 13)

Điều kiện để điều chỉnh cộng:

- Do người mua thanh toán & chưa được tính trong tổng số tiền đã thanh toán hay sẽ phải thanh toán.
- Phải liên quan đến hàng hoá nhập khẩu
- Có số liệu khách quan, định lượng được, phù hợp với các chứng từ có liên quan.
- Chú ý: Nếu không có số liệu khách quan, không định lượng được -> chuyển sang phương pháp tiếp theo để XD giá

1. Phương pháp trị giá giao dịch (tiếp)

Các khoản điều chỉnh cộng (Điều 13)

Các khoản phải cộng (+) bao gồm:

1. Chi phí hoa hồng bán hàng và phí môi giới
2. Chi phí bao bì gắn liền với hàng hoá nhập khẩu
3. Chi phí đóng gói hàng hoá
4. Các khoản trợ giúp của người mua cung cấp cho người bán để sản xuất hàng hoá
5. Phí bản quyền, phí giấy phép
6. Khoản tiền người mua phải trả từ số tiền thu được sau khi bán lại, định đoạt & sử dụng hàng hoá.
7. Chi phí vận tải & mọi chi phí khác liên quan trực tiếp đến vận tải hàng hoá tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên.
8. Chi phí bảo hiểm hàng hoá NK đến cửa khẩu nhập đầu tiên.

Điểm e Khoản 2 Điều 13: Khoản tiền người mua phải trả từ số tiền thu được sau khi bán lại, định đoạt & sử dụng hàng hoá

Người khai HQ:

- Khai báo
- Tự tính, nộp thuế

Cơ quan HQ:

- Kiểm tra khai báo
- Yêu cầu khai bổ sung
- Ra các qđ xử phạt

Tương tự quy định
đối với
phí bản quyền/giấy phép

1. Phương pháp trị giá giao dịch (tiếp)

Các khoản điều chỉnh cộng (Điều 13) – Chi phí vận tải (điểm g khoản 2 Điều 13)

- Chi phí vận tải và chi phí có liên quan đến vận chuyển hàng hóa nhập khẩu đến cửa khẩu nhập đầu tiên. Ví dụ: phụ phí tàu giã, chi phí thuê các loại container, thùng chứa, giá đỡ được sử dụng...

- **Không bao gồm:**

- Chi phí bốc, dỡ, xếp hàng từ phương tiện vận tải xuống cửa khẩu nhập đầu tiên
Nếu chi phí này đã bao gồm trong chi phí vận tải quốc tế hoặc trong giá thực tế đã thanh toán hay sẽ phải thanh toán thì **không** được tách (trừ) ra khỏi trị giá tính thuế của hàng hoá nhập khẩu.
- Chi phí phát sinh sau khi hàng hoá nhập khẩu được bốc, dỡ, xếp xuống cửa khẩu nhập đầu tiên.

1. Phương pháp trị giá giao dịch (tiếp)

Các khoản điều chỉnh trừ (Điều 15)

Điều kiện để điều chỉnh trừ:

- Có số liệu khách quan, định lượng được phù hợp và có sẵn tại thời điểm xác định trị giá.
- Đã được tính trong giá thực tế đã thanh toán hay sẽ phải thanh toán.
- Phù hợp với quy định của pháp luật về kế toán Việt nam

1. Phương pháp trị giá giao dịch (tiếp)

Các khoản điều chỉnh trừ (Điều 15)

Các khoản được trừ (-) bao gồm:

1. Chi phí cho hoạt động phát sinh sau khi nhập khẩu (như: chi phí xây dựng kiến trúc, lắp đặt, bảo dưỡng hoặc trợ giúp kỹ thuật).
2. Chi phí vận chuyển, bảo hiểm sau cửa khẩu nhập đầu tiên
3. Các khoản thuế, phí, lệ phí phải nộp ở Việt Nam đã nằm trong giá mua hàng nhập khẩu.
4. Khoản giảm giá
5. Chi phí tiếp thị hàng hoá NK do người mua chịu
6. Khoản tiền lãi do người mua chịu có liên quan đến việc mua hàng NK
7. Chi phí kiểm tra số lượng, chất lượng hàng trước khi nhập khẩu
8. Chi phí mở L/C, phí chuyển tiền để thanh toán cho lô hàng nhập khẩu
9. Khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất theo thỏa thuận tài chính của người mua.

ĐIỂM D KHOẢN 2 ĐIỀU 15: KHOẢN GIẢM GIÁ

GIẢM GIÁ THEO CẤP ĐỘ THƯƠNG MẠI

GIẢM GIÁ THEO SỐ LƯỢNG

GIẢM GIÁ THEO HÌNH THỨC & THỜI GIAN THANH TOÁN

ĐIỂM D KHOẢN 2 ĐIỀU 15: KHOẢN GIẢM GIÁ ĐIỀU KIỆN TRỪ

- Thuộc một trong 3 loại giảm giá theo quy định
- Khoản giảm được lập thành văn bản trước khi xếp hàng lên phương tiện vận tải
- Có số liệu khách quan, định lượng được phù hợp với các chứng từ hợp pháp để tách khoản giảm giá này ra khỏi trị giá giao dịch. Các chứng từ này được nộp cùng với tờ khai hải quan
- Thực hiện thanh toán qua ngân hàng (L/C hoặc TTR) cho toàn bộ hàng hoá nhập khẩu
- Trị giá khai báo/ thực tế về số lượng hàng hoá nhập khẩu; cấp độ thương mại; hình thức và thời gian thanh toán phải phù hợp với Bảng công bố giảm giá của người bán

PHÂN BỐ CÁC KHOẢN ĐIỀU CHỈNH

(Điều 16 Thông tư số 39/2015/TT-BTC + khoản 14 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC)

1.

hóa, **NGƯỜI KHAI HẢI QUAN**

bổ hết cho hàng hoá nhập khẩu chịu khoản điều chỉnh đó để thực hiện phân bổ theo một trong các phương pháp sau:

- a) Phân bổ theo số lượng;
- b) Phân bổ theo trọng lượng;
- c) Phân bổ theo thể tích;

2. **CƠ QUAN HẢI QUAN** thực hiện phân bổ trong trường hợp người khai hải quan phân bổ không đúng hoặc không thực hiện phân bổ được.

2. ĐIỀU 8, ĐIỀU 9: PHƯƠNG PHÁP TRỊ GIÁ GIAO DỊCH CỦA HÀNG HOÁ NHẬP KHẨU GIỐNG HẾT/TƯƠNG TỰ

- Trị giá hải quan của hàng hoá nhập khẩu là trị giá giao dịch của hàng hoá nhập khẩu giống hết/tương tự

2. ĐIỀU 8, ĐIỀU 9: PHƯƠNG PHÁP TRỊ GIÁ GIAO DỊCH CỦA HÀNG HOÁ NHẬP KHẨU GIỐNG HẾT/TƯƠNG TỰ

Chứng từ, tài liệu

- Tờ khai hải quan và tờ khai trị giá (nếu có)
- Hợp đồng vận tải (nếu điều chỉnh)
- Hợp đồng bảo hiểm (nếu điều chỉnh)
- Bảng giá bán hàng của nhà sản xuất (nếu điều chỉnh về số lượng/cấp độ TM)
- Các hồ sơ, chứng từ khác

3. ĐIỀU 10: PHƯƠNG PHÁP TRỊ GIÁ KHẤU TRỪ

Trị giá hải quan của hàng hoá nhập khẩu được xác định bằng trị giá khấu trừ, đó là trị giá được xác định từ đơn giá bán hàng hoá nhập khẩu, hàng hóa nhập khẩu giống hệt, hàng hóa nhập khẩu tương tự trên thị trường nội địa Việt Nam sau khi đã trừ đi các chi phí hợp lý và lợi nhuận thu được sau khi bán hàng nhập khẩu

Điều kiện lựa chọn đơn giá bán hàng, nguyên tắc khấu trừ, các khoản được khấu trừ không thay đổi so với TT205 đã áp dụng.

4. ĐIỀU 11: PHƯƠNG PHÁP TRỊ GIÁ TÍNH TOÁN

Trị giá tính thuế hàng NK bao gồm:

- Chi phí trực tiếp để sản xuất ra hàng hoá nhập khẩu
- Chi phí chung và lợi nhuận phát sinh trong hoạt động bán hàng.
- Các chi phí vận tải, bảo hiểm và các chi phí khác có liên quan đến việc vận tải hàng hoá NK

5. ĐIỀU 12: PHƯƠNG PHÁP SUY LUẬN

Trị giá tính thuế hàng NK được XD trên cơ sở:

1. Vận dụng phương pháp trị giá giao dịch của hàng hoá giống hệt/tương tự. Mở rộng khoảng thời gian dài hơn nhưng không quá 90 ngày.
2. Vận dụng phương pháp trị giá khấu trừ: Mở rộng ngày xác định đơn giá dùng để khấu trừ dài hơn nhưng không quá 120 ngày; Lựa chọn đơn giá bán cho người mua có mối quan hệ đặc biệt nhưng không ảnh hưởng đến giá bán.
3. Trị giá hải quan của:
 - HH giống hệt được XD theo PP4,PP5
 - HH tương tự được XD theo PP4,PP5
4. Vận dụng linh hoạt các PP XD trị giá trên cơ sở các tài liệu, số liệu khách quan có sẵn tại thời điểm XDG.

5. ĐIỀU 12: PHƯƠNG PHÁP SUY LUẬN

Không được SD các trị giá sau khi XĐG theo PP suy luận:

1. Giá bán hàng hoá trên thị trường nội địa của hàng hoá được sản xuất tại Việt Nam
2. Giá bán hàng hoá ở thị trường nội địa nước xuất khẩu
3. Giá bán hàng hoá để xuất khẩu đến nước khác
4. Chi phí sản xuất hàng hoá không phải là các chi phí được sử dụng trong phương pháp tính toán
5. Trị giá tính thuế tối thiểu
6. Trị giá do cơ quan hải quan xác định không tuân theo nguyên tắc và phương pháp xác định trị giá hải quan quy định tại Thông tư này hoặc trị giá do người khai hải quan khai báo khi chưa có hoạt động mua bán hàng hóa để nhập khẩu hàng hóa vào Việt Nam

ĐIỀU 17 TGHQ ĐỐI VỚI HÀNG HOÁ NK TRONG 1 SỐ TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT

1. Hàng hóa XK, NK chưa có giá chính thức tại thời điểm đăng ký tờ khai
2. Hàng hoá đã sử dụng tại VN, có thay đổi mục đích sử dụng so với mục đích đã được xác định thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế, xét miễn thuế
3. Hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam sau khi thuê nước ngoài gia công
4. Hàng đem ra nước ngoài sửa chữa khi nhập khẩu về Việt Nam thuộc đối tượng chịu thuế.
5. Hàng hoá nhập khẩu, **XUẤT KHẨU** không có hợp đồng mua bán hoặc không có hóa đơn thương mại
6. Hàng hoá nhập khẩu thừa so với hợp đồng mua bán hoặc hóa đơn thương mại
7. Hàng hoá nhập khẩu không phù hợp với hợp đồng mua bán hoặc không phù hợp với hóa đơn thương mại
8. Hàng hoá nhập khẩu thực tế có sự chênh lệch về số lượng so với hóa đơn thương mại
9. Hàng hoá nhập khẩu là hàng đi thuê mượn

Hàng hoá đã sử dụng tại VN, có thay đổi mục đích sử dụng so với mục đích đã được xác định thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế, xét miễn thuế (khoản 2 Điều 17)

Hàng hóa nhập khẩu là ô tô, xe máy: Trị giá được xác định trên cơ sở giá trị sử dụng còn lại của hàng hóa, tính theo thời gian sử dụng tại Việt Nam

Hàng hóa nhập khẩu khác: Trị giá hải quan là giá thực tế đã thanh toán tại thời điểm chuyển đổi mục đích sử dụng, được xác định theo nguyên tắc và phương pháp xác định trị giá quy định tại Thông tư

ĐIỀU 14 PHÍ BẢN QUYỀN, PHÍ GIẤY PHÉP

Phải cộng khi:

- Trả cho việc sử dụng, chuyển giao các quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hoá nhập khẩu.
- Do người mua phải trả trực tiếp hay gián tiếp, như một điều kiện cho giao dịch mua bán hàng hoá được thể hiện trên hợp đồng cấp phép hoặc các thỏa thuận khác
- Chưa được tính trong giá thực tế đã thanh toán hay sẽ phải thanh toán

ĐIỀU 14 PHÍ BẢN QUYỀN, PHÍ GIẤY PHÉP (tiếp)

Liên quan đến hàng hóa nhập khẩu:

- Phải trả để được sử dụng nhãn hiệu hàng hóa nếu đáp ứng đủ đk:
 - Hàng hóa nhập khẩu được bán nguyên trạng tại thị trường Việt Nam hoặc được gia công chế biến đơn giản sau nhập khẩu.
 - Hàng hóa nhập khẩu có gắn nhãn hiệu hàng hóa khi bán tại thị trường Việt Nam
- Phải trả để được sử dụng sáng chế, bí quyết kỹ thuật hoặc quyền sở hữu trí tuệ khác nếu thuộc một trong các trường hợp:
 - Sáng chế, bí quyết kỹ thuật hoặc quyền sở hữu trí tuệ khác được sử dụng để sản xuất ra hàng hóa nhập khẩu;
 - Hàng hóa nhập khẩu mang sáng chế, kiểu dáng công nghiệp hoặc các quyền thuộc quyền sở hữu trí tuệ khác.

ĐIỀU 14 PHÍ BẢN QUYỀN, PHÍ GIẤY PHÉP (tiếp)

Như một điều kiện mua bán hàng hóa nếu trường hợp sau:

- Người mua chỉ mua được hàng hóa nhập khẩu từ nhà cung cấp do chủ sở hữu trí tuệ chỉ định hoặc nhà cung cấp có liên quan đến chủ sở hữu trí tuệ; hoặc hàng hóa nhập khẩu phải đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật theo yêu cầu của chủ sở hữu trí tuệ;
- Người mua chỉ được mua hàng hóa nhập khẩu khi trả phí bản quyền, phí giấy phép cho người bán hoặc chủ thể quyền sở hữu trí tuệ.

ĐIỀU 14 PHÍ BẢN QUYỀN, PHÍ GIẤY PHÉP (tiếp)

Không phải cộng khi:

- Do người mua trả cho quyền tái sản xuất hàng hoá nhập khẩu hoặc sao chép tác phẩm nghệ thuật tại Việt Nam
- Do người mua trả cho quyền phân phối hoặc bán lại hàng hoá nhập khẩu, nếu việc thanh toán này không phải là một điều kiện của việc bán hàng hoá nhập khẩu
- Chú ý: Khoản tiền trả cho quyền tái sản xuất, quyền phân phối hoặc bán lại hàng hoá nhập khẩu đã được tính trong giá thực tế đã thanh toán hay sẽ phải thanh toán thì không được trừ ra khỏi trị giá tính thuế.

ĐIỀU 14 PHÍ BẢN QUYỀN, PHÍ GIẤY PHÉP (tiếp)

Người khai hải quan

*** Tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan xác định được:** Khai báo rõ khoản phí này

*** Tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan khai chưa xác định được:**

- Thời điểm đăng ký tờ khai hải quan: khai báo rõ lý do chưa xác định được

- Thời điểm thực trả phí bản quyền:

Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày thực trả phí bản quyền thực hiện

+ Khai báo trên Tờ khai bổ sung sau thông quan

+ Nộp đủ tiền thuế

Cơ quan Hải quan

Kiểm tra các chứng từ, nội dung khai báo của người khai HQ

Trường hợp người khai HQ không khai báo hoặc khai báo không đúng:

- Yêu cầu khai bổ sung

- Ra quyết định xử phạt theo quy định

Trường hợp người khai HQ khai bổ sung, cơ quan hải quan xác định trị giá, ấn định thuế, thu đủ thuế, tiền chậm nộp (nếu có) theo quy định.

TỜ KHAI TRỊ GIÁ (Điều 18, Điều 19, Điều 20- Thông tư 39/2015/TT-BTC)

1. Đối tượng không phải khai báo Tờ khai trị giá

2. Mẫu tờ khai trị giá

TỜ KHAI TRỊ GIÁ (Tiếp)

3. Đối tượng khai báo tờ khai trị giá (Điều 18): Quy định theo hướng hàng hóa nhập khẩu là đối tượng phải khai tờ khai trị giá, loại trừ một số trường hợp không phải khai báo tờ khai trị giá:

- Hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế, xét miễn thuế theo quy định tại Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;
- Hàng hóa nhập khẩu theo loại hình nhập nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu;
- Hàng hóa đủ điều kiện áp dụng phương pháp trị giá giao dịch quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này, đồng thời đã khai đủ thông tin trị giá hải quan trên tờ khai hàng hóa nhập khẩu của Hệ thống thông quan điện tử VNACCS và Hệ thống này tự động tính trị giá hải quan;
- Hàng hóa nhập khẩu không có hợp đồng mua bán hoặc không có hóa đơn thương mại.

NỘI DUNG KIỂM TRA TRỊ GIÁ TRONG THÔNG QUAN (Khoản 14 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC)

- Quy định trường hợp đủ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo;
- Hướng dẫn thủ tục thực hiện đối với các trường hợp đủ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo, nghi vấn trị giá khai báo theo các trường hợp tương ứng quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP

KIỂM TRA, XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ HẢI QUAN (TIẾP)

1. Bổ sung thêm căn cứ bác bỏ trị giá khai báo trong thông quan (điểm a khoản 3 Điều 25)

Quy định hiện hành:

Căn cứ bác bỏ là:

- ✓ Người khai hải quan không kê khai hoặc kê khai không đúng, không đủ các chỉ tiêu liên quan đến trị giá hải quan;
- ✓ Các nội dung về trị giá, điều kiện giao hàng trên hóa đơn thương mại không phù hợp với các nội dung tương ứng trên vận tải đơn hoặc các chứng từ vận tải khác

Lý do bổ sung:

Thực tế kiểm tra, ngoài 2 căn cứ bác bỏ nêu trên còn có các căn cứ bác bỏ khác → bổ sung để nâng cao hiệu quả kiểm tra, xử lý kết quả kiểm tra giá.

KIỂM TRA, XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ HẢI QUAN (TIẾP)

□ Nội dung bổ sung căn cứ bác bỏ:

- Người khai hải quan không kê khai hoặc kê khai không đúng, không đủ một trong các chỉ tiêu có liên quan đến trị giá hải quan và ảnh hưởng đến việc xác định trị giá hải quan
- Có mâu thuẫn về nội dung liên quan đến trị giá hải quan giữa các chứng từ trong hồ sơ hải quan do người khai hải quan nộp hoặc xuất trình cho cơ quan hải quan
- Không thoả mãn một trong các điều kiện khi áp dụng phương pháp xác định trị giá hải quan
- Áp dụng không đúng trình tự, nội dung phương pháp xác định trị giá hải quan

KIỂM TRA, XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ HẢI QUAN (tiếp)

2. Bổ sung thẩm quyền xác định trị giá, ấn định thuế sau khi bác bỏ trị giá khai báo trong thông quan (Khoản 3, Khoản 4 Điều 25)

☐ Quy định hiện hành:

1. Trường hợp cơ quan hải quan có đủ cơ sở bác bỏ TG

- ✓ Người khai hải quan khai bổ sung
- ✓ Nếu không khai bổ sung thì thông quan theo trị giá khai báo và chuyển kiểm tra sau thông quan.

2. Trường hợp nghi vấn TG khai báo

- ✓ DN lựa chọn tham vấn: nếu kết quả tham vấn đủ cơ sở bác bỏ TGKB, tùy lựa chọn của DN để xử lý hoặc khai bổ sung hoặc thông quan theo KB và chuyển KTSTQ
- ✓ DN không lựa chọn tham vấn: cơ quan hải quan thông quan theo KB và KTSTQ

KIỂM TRA, XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ HẢI QUAN (tiếp)

☐ Lý do bổ sung:

- ✓ Phù hợp với quy định Khoản 1 Điều 39 Luật Quản lý thuế; Điều 33 Nghị định 83/2013/NĐ-CP
- ✓ Nhằm thống nhất cách xử lý giữa khâu trong và sau thông quan; tạo công bằng cho người khai hải quan
- ✓ Thực hiện kiến nghị của UB kiểm tra Trung ương tại TB 150-TB/UBKTTW về việc rà soát kiến nghị các cấp có thẩm quyền để sửa đổi, bổ sung văn bản pháp quy

KIỂM TRA, XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ HẢI QUAN (tiếp)

□ Nội dung bổ sung:

(1) Trường hợp đủ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 25:

- Cơ quan hải quan ban hành Thông báo trị giá hải quan (theo mẫu tại Thông tư).
- Người khai hải quan:
 - Khai bổ sung theo Thông báo TGHQ trong 5 ngày làm việc kể từ ngày Thông báo đề thông quan hàng hóa.
 - Nếu doanh nghiệp không khai bổ sung trong thời hạn quy định → cơ quan hải quan ban hành quyết định ấn định thuế, thông quan hàng hóa.

KIỂM TRA, XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ HẢI QUAN (tiếp)

(2) Trường hợp nghi vấn về trị giá khai báo (điểm b khoản 3 Điều 25):

Trường hợp 1

- Hàng hóa XK, NK có nghi vấn trị giá khai báo (điểm b.4, điểm b.5 khoản 3 Điều 25) và rủi ro cao về trị giá so với mức giá tham chiếu theo hướng dẫn của Tổng cục Hải quan, **đồng thời** người khai hải quan được đánh giá, phân loại là doanh nghiệp không tuân thủ. Cơ quan hải quan thông báo (1) người khai hải quan bổ sung hồ sơ và (2) cử đại diện có thẩm quyền để giải trình, chứng minh trị giá khai báo **trong thời hạn làm thủ tục hải quan.**



KIỂM TRA, XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ HẢI QUAN (tiếp)

- **Cơ quan hải quan ban hành Thông báo trị giá hải quan, ấn định thuế, thông quan hàng hóa, xử lý vi phạm (nếu có), (điểm b.1.1 khoản 3 Điều 25) NẾU**
Người khai hải quan không bổ sung HS, không cử đại diện có thẩm quyền và không có giấy ủy quyền **hoặc** không giải trình chứng minh được căn cứ bác bỏ
- **Cơ quan hải quan ban hành Thông báo trị giá hải quan và thông quan theo trị giá khai báo cho các trường hợp ngoài trường hợp nêu trên (điểm b.1.2 khoản 3 Điều 25).**

1. KIỂM TRA, XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ HẢI QUAN (tiếp)

Trường hợp 2

Cơ quan hải quan thông quan theo trị giá khai báo và chuyển nghi vấn để cơ quan thuế làm cơ sở kiểm tra, xác định giao dịch liên kết, (điểm b.2 khoản 3 Điều 25) NẾU:

- Hàng NK có mức giá cao đột biến so với mức giá tham chiếu theo hướng dẫn của TCHQ.

Trường hợp 3

Cơ quan hải quan thông báo (điểm b.3 khoản 3 Điều 25):

- Cơ sở nghi vấn, mức giá, phương pháp xác định trị giá, thời gian tham vấn qua *Hệ thống hoặc Thông báo nghi vấn trị giá hải quan* (theo mẫu đối với trường hợp khai trên tờ khai giấy).
- Đồng thời giải phóng hàng.

Người khai hải quan thực hiện tham vấn

KIỂM TRA, XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ HẢI QUAN (K14 ĐIỀU 1)

(3) Xử lý kết quả tham vấn (Khoản 4 Điều 25)

Người khai hải quan đồng ý với mức giá, phương pháp do cơ quan hải quan dự kiến xác định tại Thông báo trị giá hải quan (điểm đ.1 khoản 4 Điều 25):

- ✓ Người khai hải quan khai bổ sung theo Thông báo trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày đến cơ quan hải quan tham vấn – cơ quan hải quan thông quan hàng hóa
- ✓ Nếu không khai bổ sung theo Thông báo hoặc khai bổ sung quá thời hạn thì cơ quan hải quan thực hiện ấn định thuế, thông quan hàng hóa, xử lý vi phạm (nếu có).

KIỂM TRA, XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ HẢI QUAN (tiếp)

Cơ quan hải quan bác bỏ trị giá khai báo sau tham vấn (điểm đ.2 khoản 4 Điều 25):

- ✓ Cơ quan hải quan: ban hành Thông báo trị giá hải quan
- ✓ Người khai hải quan khai bổ sung theo Thông báo trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tham vấn – cơ quan hải quan thông quan hàng hóa.

Nếu người khai hải quan không khai bổ sung theo Thông báo hoặc khai bổ sung quá thời hạn thì cơ quan hải quan thực hiện ấn định thuế, thông quan hàng hóa, xử lý vi phạm (nếu có).

Cơ quan hải quan chưa đủ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo sau tham vấn (điểm đ.3 khoản 4 Điều 25):

- ✓ Cơ quan hải quan: ban hành Thông báo trị giá hải quan và thông quan hàng hóa theo trị giá khai báo

KIỂM TRA, XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ HẢI QUAN (tiếp)

3. Bổ sung quy định cơ quan hải quan thực hiện phân bổ các khoản điều chỉnh (khoản 5 Điều 25)

☐ Quy định hiện hành:

Tại Thông tư 39 có quy định nguyên tắc phân bổ, phương thức phân bổ các khoản điều chỉnh. Tuy nhiên, chưa quy định cụ thể cơ quan hải quan thực hiện phân bổ các điều chỉnh khi xác định trị giá, ấn định thuế.

☐ Lý do bổ sung:

Để đảm bảo tính rõ ràng và minh bạch trong quy định.

KIỂM TRA, XÁC ĐỊNH TRỊ GIÁ HẢI QUAN (tiếp)

4. Sửa đổi quy định về tham vấn một lần (Khoản 6 Điều 25)

❑ Quy định hiện hành:

- ✓ Điều kiện để được áp dụng tham vấn 1 lần là chỉ áp dụng đối với hàng hóa cùng hợp đồng mua bán
- ✓ Kết quả tham vấn 1 lần được sử dụng cho lần nhập khẩu tiếp theo

❑ Lý do sửa đổi:

Theo kiến nghị của DN thì quy định trên thủ tục phức tạp (phải có văn bản đề nghị áp dụng) nhưng kết quả tham vấn chỉ được áp dụng đối với hàng hóa cùng hợp đồng mua bán → hạn chế doanh nghiệp sử dụng kết quả tham vấn 1 lần → sửa đổi để đơn giản hóa thủ tục hành chính, tăng hiệu quả áp dụng

XÁC ĐỊNH TRƯỚC TRỊ GIÁ HẢI QUAN

ĐIỀU 28 LUẬT HẢI QUAN NĂM 2014

1. Người khai hải quan cung cấp thông tin, chứng từ liên quan, mẫu hàng hóa dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu cho cơ quan hải quan để cơ quan hải quan xác định trước trị giá hải quan.
2. Cơ quan hải quan à có văn bản thông báo cho người khai hải quan biết kết quả xác định trước. Trường hợp không đủ cơ sở hoặc thông tin để xác định theo yêu cầu của người khai hải quan, cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan hoặc đề nghị bổ sung thông tin, chứng từ liên quan.
3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày có văn bản thông báo kết quả xác định trước, nếu người khai hải quan không đồng ý với kết quả xác định trước thì có quyền yêu cầu cơ quan hải quan xem xét lại kết quả xác định trước.
4. Văn bản thông báo kết quả xác định trước có giá trị pháp lý để cơ quan hải quan làm thủ tục hải quan khi hàng hóa thực xuất khẩu, nhập khẩu phù hợp với thông tin, chứng từ liên quan, mẫu hàng hóa mà người khai hải quan đã cung cấp.

XÁC ĐỊNH TRƯỚC TRỊ GIÁ HẢI QUAN
(Điều 24 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP)

Điều kiện xác định trước: Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cần xác định trước trị giá hải quan là hàng hóa lần đầu xuất khẩu, nhập khẩu hoặc có thay đổi lớn, bất thường so với trị giá hải quan mà người khai hải quan đang thực hiện hoặc là hàng hóa có tính chất đơn chiếc hoặc không có tính phổ biến hoặc không có hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giống hệt, tương tự trên thị trường để so sánh

XÁC ĐỊNH TRƯỚC TRỊ GIÁ HẢI QUAN (TIẾP)

(Điều 24 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP + được sửa đổi tại khoản 11 Điều 1 Nghị định 59/2018/NĐ-CP)

Tổ chức, cá nhân:

- Nộp hồ sơ đến TCHQ ÍT NHẤT LÀ 60 TRƯỚC KHI XK, NK LÔ HÀNG
- Tham gia đối thoại theo đề nghị của cqhq
- Thông báo bằng văn bản nếu có sự thay đổi liên quan đến đề nghị xác định trước

Cơ quan hải quan:

- Trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, có văn bản từ chối nếu không đủ điều kiện, hồ sơ
- Trong 30-60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, có văn bản thông báo kết quả xác định trước. Văn bản thông báo kết quả xác định trước được đăng trên trang điện tử của TCHQ

XÁC ĐỊNH TRƯỚC TRỊ GIÁ HẢI QUAN

(Điều 24 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP- tiếp)

Hiệu lực của văn bản thông báo kết quả xác định trước:

- * 03 năm kể từ ngày Tổng cục trưởng TCHQ ký ban hành. Trường hợp xác định trước mức giá, văn bản có hiệu lực trực tiếp đối với lô hàng được xác định trước mức giá
- * Không có hiệu lực áp dụng nếu hàng hóa hoặc hồ sơ thực tế xuất khẩu, nhập khẩu khác với mẫu hoặc hồ sơ xác định trước trị giá

XÁC ĐỊNH TRƯỚC TRỊ GIÁ HẢI QUAN

(Điều 7 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015)

Hồ sơ xác định trước phương pháp xác định trị giá hải quan:

- a) Đơn đề nghị
- b) Hợp đồng mua bán hàng hóa do tổ chức, cá nhân trực tiếp thực hiện giao dịch (nếu có)
- c) Tài liệu kỹ thuật, hình ảnh hoặc catalogue hàng hóa (nếu có)
- d) Các chứng từ, tài liệu có liên quan đến giao dịch dự kiến đề nghị xác định trước (nếu có)
- đ) Các chứng từ có liên quan trong trường hợp phải quy đổi từ trị giá hóa đơn về giá bán thực tế tại cửa khẩu xuất đối với hàng hóa xuất khẩu

Trường hợp chưa có giao dịch thực tế, tổ chức cá nhân chưa có các chứng từ nêu tại điểm b, d, đ khoản này thì đề nghị cơ quan hải quan hướng dẫn nguyên tắc, điều kiện áp dụng phương pháp xác định trị giá hải quan.

XÁC ĐỊNH TRƯỚC TRỊ GIÁ HẢI QUAN

(Điều 7 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015- tiếp)

Hồ sơ xác định trước mức giá:

- a) Đơn đề nghị
- b) Hợp đồng mua bán hàng hóa do tổ chức, cá nhân trực tiếp thực hiện giao dịch
- c) Chứng từ thanh toán qua ngân hàng
- d) Vận tải đơn hoặc các chứng từ vận tải khác có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật (trừ hàng hóa nhập khẩu qua cửa khẩu biên giới đường bộ, hàng hóa mua bán giữa khu phi thuế quan và nội địa
- đ) Tài liệu kỹ thuật, hình ảnh hoặc catalogue hàng hóa (nếu có)
- e) Các chứng từ, tài liệu có liên quan đến giao dịch dự kiến đề nghị xác định trước (nếu có)

Trường hợp chưa có giao dịch thực tế, tổ chức cá nhân chưa có các chứng từ nêu tại điểm b, c, d khoản này thì đề nghị cơ quan hải quan hướng dẫn nguyên tắc, điều kiện áp dụng phương pháp xác định trị giá hải quan.

TỔNG CỤC HẢI QUAN

XIN CHÂN THÀNH CẢM ƠN